

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2026
V/v tranh chấp về HN & GD- Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Dũng

Ông Nguyễn Hồng Thơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1980;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bình Trung, xã Th, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1977;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị Lê Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M chung sống vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2009, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ thời điểm đó đến nay.

Nay, chị Lê Thị Th yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1999 và Nguyễn Lê Th, sinh năm 2003, hiện nay các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, bị đơn anh Nguyễn Thành M không nộp văn bản ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Th và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thành M có địa chỉ tại phường C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Thành M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh M nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Việc chị Th và anh M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn là có thật, vấn đề này đã được thể hiện qua giấy khai sinh của Nguyễn Thị Trúc G và Nguyễn Lê Th là con của chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Thành M.

Chị Th cho rằng giữa chị và anh M chung sống từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên không còn chung sống từ năm 2009 đến nay.

Trong thời gian không còn sống chung thì chị Th và anh M không hàn gắn lại tình cảm. Do đó, chị Th yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà với anh M.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th và anh M chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định nên hôn nhân giữa chị Th và anh M không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Thành M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị Th và anh M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1999 và Nguyễn Lê Th, sinh năm 2003, hiện nay con chung đã trưởng thành, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th trình bày không có, anh Nguyễn Thành M không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Lê Thị Th trình bày không có, anh Nguyễn Thành M không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị Th đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Thành M.
- Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Chị Lê Thị Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000171 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV6 - Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ